

BIỂU MẪU 03

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1

TRƯỜNG MẦM NON TUỔI HỒNG

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non,
năm học 2022 - 2023**

ST T	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	9	Số m²/trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	9	
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	2	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	575	
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	139.3	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	564	2.2 m ² /trẻ em
2	Diện tích phòng chức năng		
	+ Thờ dục:	47.36	
	+ Âm nhạc:	45.6	
	+ Vật lý trị liệu (phòng trẻ mệt):	28.05	
3	Diện tích phòng ngủ (m ²)	564	2.2 m ² /trẻ em
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	43.8	
5	Phòng nhân viên	16.28	
6	Diện tích nhà bếp đúng quy cách (m ²)	63	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp) Từ 28 - 33 bộ /lớp
VII	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi		

I	tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...) - Máy vi tính - Máy chiếu - Máy in vi tính	9 1 5				
IX	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)			
1	Ti vi	9	1 cái / 1 lớp			
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	2				
3	Máy photo	1				
5	Cassette	0				
6	Đầu Video/dầu đĩa	0				
7	Đồ chơi ngoài trời	24				
8	Bàn ghế đúng quy cách	Bàn HS: 155 Ghế HS: 310 Bàn GV: 20 Ghế GV: 40 Bàn- ghế GV ở lớp: 9 bộ	GB: 15 bộ. Mâm 1, Mâm 2, Mâm 3, Chòi 2: 15bộ/01 nhóm (lớp) Chòi 1, Chòi 3, lá 1, lá 2: 20 bộ/ 01 nhóm (lớp)			
9	Thiết bị khác...	0				
		Số lượng (m ²)				
X	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	Số m ² /trẻ em		
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	8	9			
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0			

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường mầm non và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

		Có	Không
--	--	----	-------

XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XV	Tường rào xây		x

Quận 1, ngày 10 tháng 9 năm 2022



Vũ Thị Ngọc Bắc